

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NGHỆ AN
CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
Số: 812 /QĐ-QLTTNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu phân bổ và giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An (lần 2)

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-SCT.KHTCTH ngày 31/8/2025 của Sở Công Thương tỉnh Nghệ An về việc danh sách đối tượng, xử lý kinh phí phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách lần 2 năm 2025 của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Trưởng các Phòng tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường và toàn thể công chức, người lao động thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Công Thương (để b/c);
- Chi cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCHC

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Đôn

Đơn vị: Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An
Chương: 416



ĐIỀU CHỈNH SỐ GIAO DỰ TOÁN CHI
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (Lần 2)
(Kèm theo Quyết định số 812/QĐ-QLTTNA ngày 19/9/2025
của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số dự toán đã giao	Điều chỉnh số giao dự toán		Số giao dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó	28.844	18.039	2.228	44.655
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	25.295	0	2.126	23.169
2	Kinh phí thực hiện không tự chủ	3.549	18.039	102	21.486
	Chi tiết theo loại chi				
	Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341	28.844	18.039	2.228	44.655
1.1	<i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>25.295</i>	<i>0</i>	<i>2.126</i>	<i>23.169</i>
1.2	<i>Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:</i>	<i>3.549</i>	<i>18.039</i>	<i>102</i>	<i>21.486</i>
	Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	174			174
	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính, kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	900			900
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa công trình	1.010			1.010
	Kinh phí hoạt động BCD 389	350			350
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/NĐ-CP	1.115		102	1.013
	Kinh phí chi trả cho đối tượng nghi việc theo Nghị định 178 và 67		18.039		18.039

92